TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**40**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16/7/2020
Về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Hùng.

2. Ông Phan Minh Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 190/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn:* Chị **N.L.N.H**, sinh năm 1999

Địa chỉ: Tổ 3, khu dân cư ấp TV, xã VT, huyện TS, tỉnh An Giang. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

***** *Bị đơn:* Anh **N.V.L,** sinh năm 1998.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp TT, xã VT, huyện TS, tỉnh An Giang. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị N.L.N.H trình bày như sau*: Chị và anh N.V.L chung sống với nhau vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Hôn nhân của anh chị là tự nguyện, lần thứ nhất của cả hai. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 1 tháng thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân tới nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không

phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống không hạnh phúc. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L. Về con chung: Trong thời kỳ sống chung, chị và anh L không có con chung. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Do hiện nay đang làm ở Đồng Nai nên chị H không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được. Vì vậy, chị H có đơn xin vắng mặt tại Tòa và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Theo biên bản H giải, tờ tự khai ngày 30/6/2020 bị đơn anh N.V.L trình bày như sau:

Anh thống nhất theo lời trình bày của chị H. Anh và chị H chung sống với nhau từ năm 2017 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được 21 ngày thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân tới nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên anh cũng đồng ý chấp dứt quan hệ hôn nhân với chị H. Về con chung: Không có. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Do hiện nay đang làm ở Bình Dương nên anh L không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được. Vì vậy, anh có đơn xin vắng mặt tại Tòa và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định. Về hôn nhân: Không công nhận chị H và anh L là vợ chồng. Về con chung: Không có. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Chị H yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình H giải, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Chị N.L.N.H (là nguyên đơn trong vụ án) và anh N.V.L (là bị đơn trong vụ án) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh L chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2017 nhưng đến nay vẫn không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay do mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh L, đồng thời phía anh L cũng chấp nhận ly hôn. Do hôn nhân giữa chị H và anh L vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẩn trong hôn nhân mà căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh L.

[2.2] Về con chung:

Trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh L không có con chung nên Hội đồng không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh L thống nhất trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N.L.N.H và anh N.V.L.

* Về con chung: Không có.

* Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh L không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa chị H và anh L có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

* Về án phí sơ thẩm: Chị N.L.N.H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0000979 ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Anh N.V.L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị H và anh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Mai Thị Vân